

ĐÁP ÁN

TRƯỜNG THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG ĐỀ 1

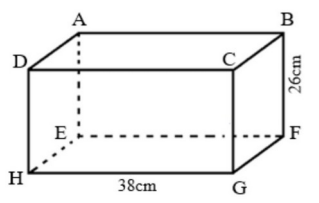
ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

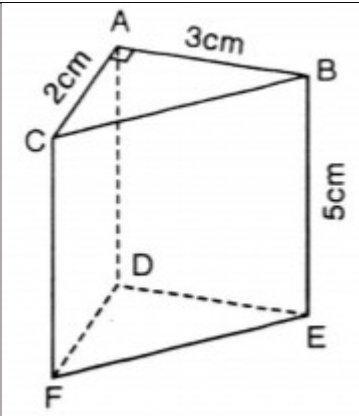
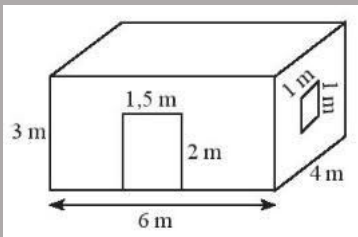
PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	A	B	C	B	C	D	C	D	A	C	D

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (0,75 điểm): Tìm các số hữu tỉ trong các số sau : $-12; \sqrt{22}; -3,5; 0; \frac{\sqrt{3}}{\sqrt{2}}$?	
	$-12; -3,5; 0$	0.75
	Mỗi đáp án đúng 0,25 đ	
2	Bài 2a (0,5 điểm): $\frac{3}{4} + \frac{5}{8} - \frac{7}{6}$	
	$\frac{18}{24} + \frac{15}{24} - \frac{28}{24}$	0.25
	$\frac{18+15-28}{24}$	0.25
	$\frac{5}{24}$	
	Bài 2b (0,5 điểm): $\frac{-23}{7} \cdot \frac{3}{10} + \frac{13}{7} \cdot \frac{3}{10}$	
	$\frac{3}{10} \cdot (\frac{-23}{7} + \frac{13}{7})$	0.25
	$\frac{3}{10} \cdot \frac{-10}{7}$	0.25
	$\frac{-3}{7}$	
	Bài 2c (0,5 điểm): $(\frac{-5}{6})^6 \cdot (\frac{6}{5})^8$	
	$(\frac{5}{6})^6 \cdot (\frac{6}{5})^6 \cdot (\frac{6}{5})^2$	0.25

	$\dot{1}(\frac{5}{6} \cdot \frac{6}{5})^6 \cdot \frac{36}{25}$	0.25
	$\dot{1}1 \cdot \frac{36}{25} = \frac{36}{25}$	
3	Bài 3a (0,75 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết : $x - \frac{1}{4} = \frac{2}{3}$;	
	$x - \frac{1}{4} = \frac{2}{3}$	0.25
	$x = \frac{2}{3} + \frac{1}{4}$	
	$x = \frac{8}{12} + \frac{3}{12}$	0.25
	$x = \frac{11}{12}$	0.25
	Bài 3b (0,75 điểm). $9^{x+2} + 9^x = 82$.	
	$9^x \cdot (9^2 + 1) = 82$	0.25
	$9^x \cdot 82 = 82$	0.25
	$9^x = 1$	0.25
	$x = 0$	
4	Bài 4 (1,0 điểm). Cho hình hộp chữ nhật $ABCDEFGH$ như hình vẽ, có $AD = 24\text{ cm}$, $BF = 26\text{ cm}$, $HG = 38\text{ cm}$. Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật này..	
	$S_{xq} = 2(BF + AD) \cdot HG = 2 \cdot (24 + 26) \cdot 38 = 3800(\text{ cm}^2)$	0.5
	$V = 24 \cdot 26 \cdot 38 = 32712(\text{ cm}^3)$	0.5

5	Bài 5 (0,75 điểm). Cho hình lăng trụ đứng tam giác vuông $ABCDEF$ như hình vẽ. Biết $AB=3\text{ cm}$, $AC=2\text{ cm}$, $BE=5\text{ cm}$ Tính thể tích của hình lăng trụ đứng này..	
	$S_{\text{đáy}} = \frac{2 \cdot 3}{2} = 3(\text{cm}^2)$	0.25
	$V = 3 \cdot 5 = 15(\text{cm}^3)$	0.5
6	Bài 6 (0,5 điểm) Chú An có căn phòng với kích thước như hình vẽ. Hỏi chú An cần trả bao nhiêu tiền để sơn 4 bức tường xung quanh (không sơn cửa)? Biết rằng để sơn mỗi mét vuông tường tốn 30000 đồng. 	
	Diện tích xung quanh 4 bức tường cần sơn của chú An là $S = 2(3+6) \cdot 4 - 2 \cdot 1,5 - 1 \cdot 1 = 68(\text{m}^2).$	0.25
	Số tiền chú An cần để sơn được 4 bức tường là: $68 \cdot 30000 = 2040000(\text{đồng}).$	0.25
7	Bài 1: Bài 7 (1,0 điểm). Một cửa hàng nhân dịp khai trương giảm giá 10% tất cả các mặt hàng. Bác NAM mua một chiếc tivi với giá niêm yết là 12000000 đồng và một chiếc máy lạnh. Khi đó , cô nhân viên thông báo bác phải trả tất cả 16 200 000 đồng. a/ Tính giá của tivi sau khi giảm giá? b/ Tính giá niêm yết của máy lạnh?	
	Giá của tivi sau khi giảm giá là: $12000000 \cdot 90\% = 10800000(\text{đồng}).$	0.25

Giá của máy lạnh sau khi giảm giá là: $16200000 - 10800000 = 5400000$ (đồng).	0.25
Giá của máy lạnh trước khi giảm giá là: $5400000 \cdot 100 : 90 = 6000000$ (đồng).	0.5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

 HẾT

TRƯỜNG THCS ĐẶNG THỨC VINH

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

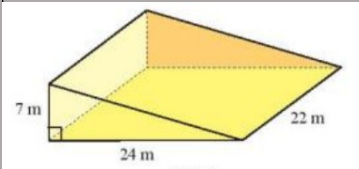
PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	B	C	B	D	D	D	D	B	A	C	A

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (0,75 điểm): Các số $-1; 0; -1\frac{2}{5}$ có là số hữu tỉ không? Vì sao?	
	Vì $-1 = -\frac{1}{1}; 0 = \frac{0}{1}; -1\frac{2}{5} = -\frac{7}{5}$	0.5
	Nên $-1; 0; -1\frac{2}{5}$ là các số hữu tỉ	0.25
2	Bài 2a (0,5 điểm): $\frac{1}{6} \cdot \frac{-5}{8} + \frac{1}{8};$	
	$= \frac{-5}{48} + \frac{1}{8}$	0.25
	$= \frac{-5}{48} + \frac{6}{48}$	0.25
	$= \frac{1}{48}$	
	Bài 2b (0,5 điểm): $\frac{3}{5} \cdot \frac{-2}{9} + \frac{-7}{9} \cdot \frac{3}{5};$	

	$= \frac{3}{5} \times \frac{2}{9} + \frac{7}{9}$	0.25
	$= \frac{3}{5} \times (-1)$	0.25
	$= \frac{-3}{5}$	
	Bài 2c (0,5 điểm). $\frac{5^3 + 25^2 + 5^2}{-5}$	
	$= \frac{5^3 + 5^4 + 5^2}{-5}$	0.25
	$= \frac{5^2(5 + 5^2 + 1)}{-5}$	0.25
	$= \frac{5^2 \cdot 31}{-5} = -155$	
3	Bài 3a (0,75 điểm). Tìm số hữu tỉ X, biết: $x - \frac{2}{5} = 0,3$;	
	$x - \frac{2}{5} = \frac{3}{10}$	0.25
	$x = \frac{3}{10} + \frac{2}{5}$	
	$x = \frac{3}{10} + \frac{4}{10}$	0.25
	$x = \frac{7}{10}$	0.25
	Bài 3b (0,75 điểm). $\frac{5}{8} + \frac{3}{8}x = 1\frac{1}{8}$	
	$\frac{5}{8} + \frac{3}{8}x = \frac{9}{8}$	0.25
	$\frac{3}{8}x = \frac{9}{8} - \frac{5}{8}$ $\frac{3}{8}x = \frac{1}{2}$	0.25

	$x = \frac{1}{2} \times \frac{8}{3}$	0.25
	$x = \frac{4}{3}$	
4	Bài 4 (1,0 điểm). Một hồ cá có kích thước đáy là 30cm và 40 cm, chiều cao 35cm. Tính diện tích xung quanh và số lít nước tối đa hồ cá có thể chứa.	
	$S_{xq} = 2.(30 + 40).35 = 4900(\text{cm}^2)$	0.5
	$V = 30.40.35 = 42000(\text{cm}^3)$	0.5
5	Bài 5 (0,75 điểm). Tính thể tích khối có hình dạng với các kích thước như hình vẽ bên.	
	$S_d = \frac{7.24}{2} = 84(\text{m}^2)$	0.25
	$V = 84.22 = 1848(\text{m}^3)$	0.5
6	Bài 6 (0,5 điểm). Một chiếc bánh kem dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 30cm, chiều rộng 20cm, chiều cao 10cm. Bạn Tuấn cắt cho bạn Nhi một mẫu bánh dạng hình lập phương cạnh bằng 5cm. Tính thể tích phần bánh kem còn lại?	
	Thể tích chiếc bánh kem là: $30.20.10=6000 \text{ cm}^3$	0.25
	Thể tích phần bánh cắt đi là: $5.5.5 = 125(\text{cm}^3)$	
	Thể tích phần bánh kem còn lại là:	0.25

	$6000 - 125 = 5875 (\text{cm}^3)$	
7	Bài 7 (1,0 điểm). Một cửa hàng nhập về 50 chiếc túi xách với giá gốc 150 000 đồng/cái. Cửa hàng đã bán 30 chiếc với giá mỗi chiếc lãi 30% so với giá gốc; 20 chiếc còn lại bán lỗ 5% so với giá gốc. Hỏi sau khi bán hết 50 chiếc túi xách cửa hàng đó lãi hay lỗ bao nhiêu tiền?	
	Số tiền cửa hàng lãi khi bán 30 chiếc túi là: $30. 150\,000 \cdot (100\% + 30\%) = 5\,850\,000$ (đồng)	0.25
	Số tiền cửa hàng lỗ khi bán 20 chiếc túi còn lại là: $20. 150\,000 \cdot (100\% - 5\%) = 2\,850\,000$ (đồng)	0.25
	Ta có: $5\,850\,000 + 2\,850\,000 - 50 \cdot 150\,000 = 1\,200\,000$ (đồng). Do đó cửa hàng đã lãi 1 200 000 đồng.	0.5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

____HẾT____

TRƯỜNG THCS TRUNG MỸ TÂY 1

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

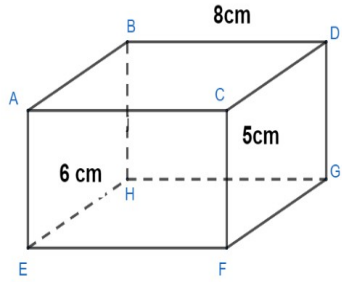
PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

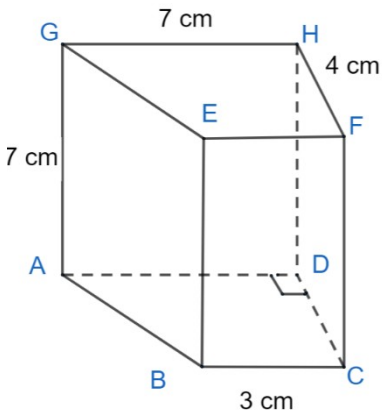
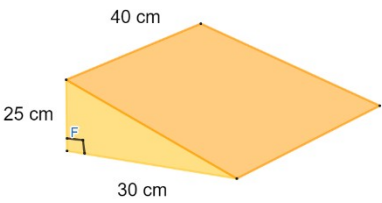
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	C	B	A	D	A	B	D	B	C	B	A

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bà i	Đáp án	Điểm
1	$-0,50; 1\frac{2}{3}$ Bài 1(0,75 điểm). Các số hữu tỉ không? Vì sao?	

	Vi $-0,5 = -\frac{1}{2}; 0 = \frac{0}{1}; 1\frac{2}{3} = \frac{5}{3}$	0.5
	Nên $-0,5; 0; 1\frac{2}{3}$ là các số hữu tỉ	0.25
2	2a (0,5 điểm) $-\frac{7}{2} - \frac{25}{9} : \frac{10}{27}$	
	$= -\frac{7}{2} - \frac{25}{9} : \frac{10}{27}$	0.25
	$= -\frac{7}{2} - \frac{15}{2}$	0.25
	$= -\frac{22}{2} = -11$	
	Bài 2b (0,5 điểm) $-\frac{3}{5} \cdot \frac{7}{9} + \frac{3}{5} \cdot \frac{2}{9} + \frac{3}{5}$	
	$= -\frac{3}{5} \cdot \frac{7}{9} + \frac{2}{9} + \frac{3}{5}$	0.25
	$= -\frac{3}{5} \cdot \frac{9}{9} + \frac{3}{5}$	0.25
	$= -\frac{3}{5} + \frac{3}{5} = 0$	
	Bài 2c (0,5 điểm). $\frac{-3^3 + 12^2 - 7 \cdot 3^2}{6}$	
	$= \frac{-3^3 + (4 \cdot 3)^2 - 7 \cdot 3^2}{6}$	0.25
	$= \frac{3^2(-3 + 4^2 - 7)}{6}$	0.25
	$= \frac{3^2(-3 + 16 - 7)}{6} = \frac{9 \cdot 6}{6} = 9$	
3	Bài 3a (0,75 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết:	

	$\frac{3}{7} \cdot x = \frac{5}{21}$	
	$x = \frac{3}{7} \cdot \frac{5}{21}$	0.25
	$x = \frac{9}{21} \cdot \frac{5}{21}$	0,25
	$x = \frac{4}{21}$	0.25
	$\frac{4}{5}x + \frac{1}{3} = 1,5$ Bài 3b (0,75 điểm).	
	$\frac{4}{5}x + \frac{1}{3} = \frac{3}{2}$	0.25
	$\frac{4}{5}x = \frac{3}{2} - \frac{1}{3}$	0.25
	$\frac{4}{5}x = \frac{7}{6}$	0.25
	$x = \frac{7}{6} : \frac{4}{5} = \frac{35}{24}$	
4	Cho hình hộp chữ nhật $ABCDEFGH$ như hình vẽ, có $CF = 5\text{ cm}$, $EH = 6\text{ cm}$, $BD = 8\text{ cm}$. Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật này	
	$S_{xq} = 2 \cdot (6 + 8) \cdot 5 = 140\text{ cm}^2$	0.5
	$V = 6 \cdot 8 \cdot 5 = 240\text{ cm}^3$	0.5

5	Bài 5 (0,75 điểm). Cho hình lăng đứng tứ giác ABCD.GEFH có kích thước như hình vẽ. Biết GH = 7cm, HF = 4cm, BC = 3cm, AG = 7cm. Tính thể tích khối lăng trụ này?	
	$S_d = \frac{(3+7) \cdot 4}{2} = 20 \text{ cm}^2$	0.25
	$V = S_d \cdot h = 20 \cdot 7 = 140 \text{ cm}^3$	0.5
6	Bài 6 (0,5 điểm). Nhà bạn An đang tiến hành làm một con dốc bằng bê tông để dẫn xe vào nhà có hình là một lăng trụ đứng tam giác có kích thước như hình. Tính chi phí để đúc con dốc, biết để làm 1 dm^3 bê tông hết 5000 đồng.	
	Thể tích khối bê tông dốc là: $V = \frac{25 \cdot 30}{2} \cdot 40 = 15000 \text{ cm}^3 = 15 \text{ dm}^3$	0.25
	Chi phí để đúc con dốc là: $15 \cdot 5000 = 75\,000$ đồng	0.25
7	Bài 7 (1,0 điểm). Một chủ cửa hàng đã nhập 700 cái điện thoại với giá 18 triệu đồng mỗi cái. Ông đã bán 525 cái với giá 25,2 triệu đồng một cái. Sau đó ông giảm giá để bán hết số điện thoại còn lại. Vậy ông phải bán mỗi cái điện thoại còn lại lúc sau với giá bao nhiêu để có lợi nhuận đạt tỉ lệ 20%?	

	Số tiền vốn bỏ ra lúc đầu là: $700.18 = 12600$ (triệu đồng)	0.25
	Để có lợi nhuận 20% số tiền vốn cần thu về là: $12600.(1 + 20\%) = 15120$ (triệu đồng)	0.25
	Số tiền thu được khi bán 525 cái điện thoại ở đợt 1 là: $525.25,2 = 13230$ (triệu đồng)	0.25
	Số tiền cần thu về khi bán 175 cái điện thoại ở đợt 2 là: $15120 - 13230 = 1890$ (triệu đồng) Giá bán một cái điện thoại lúc sau là: $1890 : 175 = 10,8$ (triệu đồng)	0,25 đ

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

_____HẾT_____

TRƯỜNG THCS ĐẶNG CÔNG BÌNH

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

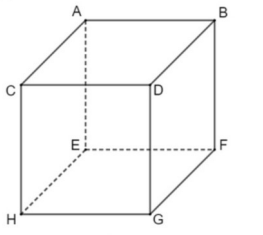
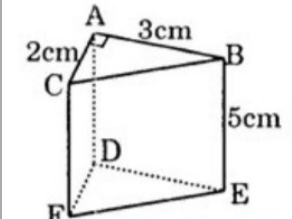
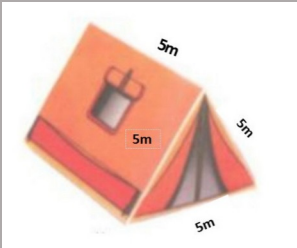
PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	B	C	D	D	B	B	A	A	B	D	A

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (0,75 điểm): Các số $1,25; 0; 2\frac{1}{3}$ có là số hữu tỉ không? Vì sao?	
	Vì $1,25 = \frac{125}{100} = \frac{5}{4}; 0 = \frac{0}{1}; 2\frac{1}{3} = \frac{7}{3}$	0.5

	Nên $1,25; 0; 2\frac{1}{3}$ là các số hữu tỉ	0.25
2	Bài 2a (0,5 điểm): $0,75 - \frac{5}{6}$;	
	$= \frac{75}{100} - \frac{5}{6}$	0.25
	$= \frac{3}{4} - \frac{5}{6}$	
	$= \frac{-1}{12}$.	0,25
	Bài 2b (0,5 điểm). $\frac{3}{7} \cdot \frac{1}{2} + \frac{3}{7} \cdot \frac{5}{2}$;	
	$= \frac{3}{7} \cdot (\frac{1}{2} + \frac{5}{2})$	0.25
	$= \frac{3}{7} \cdot \frac{6}{2}$	
	$= \frac{9}{7}$.	0,25
	Bài 2c (0,5 điểm). $\frac{2^3 + 2^4}{2^2}$.	
	$= \frac{2^2(2 + 2^2)}{2^2}$	0.25
	$= 2 + 2^2$	
	$= 6$.	0,25
3	Bài 3a (0,75 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết: $x - \frac{3}{2} = \frac{5}{2}$;	
	$x = \frac{5}{2} + \frac{3}{2}$	0.5
	$x = 4$	0.25
	Bài 3b (0,75 điểm). $\frac{5}{2}x = 0,25 + \frac{11}{4}$.	

	$\frac{5}{2}x = \frac{1}{4} + \frac{11}{4}$	0.25
	$x = 3 : \frac{5}{2}$	0.25
	$x = \frac{6}{5}$	0.25
4	Bài 4 (1,0 điểm). Cho hình lập phương $ABCDEFGH$ như hình vẽ, có cạnh là 5cm . Tính diện tích xung quanh, thể tích của hình lập phương này.	
	$S_{xq} = 4a^2 = 4 \cdot 5^2 = 100 (cm^2)$	0.5
	$V = a^3 = 5^3 = 125 (cm^3)$	0.5
5	Bài 5 (0,75 điểm). Cho hình lăng trụ đứng tam giác vuông ABC.DEF như hình vẽ. Biết $AB=3cm, AC=2cm, BE=5cm$ Tính thể tích của hình lăng trụ đứng này.	
	$S_d = \frac{2 \cdot 3}{2} = 3 (cm^2)$	0.25
	$V = 3 \cdot 5 = 15 (cm^3)$	0.5
6	Bài 6 (0,5 điểm). Bác Hà muốn may một cái lều cắm trại hình lăng trụ đứng bằng vải bạt như trong hình, với tất cả các cạnh bằng 5m. Hỏi Bác Hà cần bao nhiêu m^2 vải bạt (không tính 2 cái cửa của lều)? 	
	Diện tích xung quanh của lều là: $S = (5+5+5) \cdot 5 = 75 (m^2)$	0.25

	Diện tích mặt dưới đất là: $S = 5.5 = 25 (m^2)$	
	Số m^2 vải bạt Bác Hà cần dùng là: $S = 75 - 25 = 50 (m^2)$	0.25
7	Bài 7 (1,0 điểm). (VDC) Vào tháng 5, giá niêm yết một cái tủ lạnh tại một siêu thị điện máy là 10.000.000 đồng. Đến tháng 6, siêu thị giảm 5% cho mỗi chiếc. Sang tháng 7 siêu thị tiếp tục giảm thêm 10% (so với giá tháng 6). Hỏi giá tháng 7 chênh lệch so với giá niêm yết là bao nhiêu tiền?	
	Số tiền của chiếc tủ lạnh vào tháng 6 là: $10000000.95\% = 9500000$ (đồng)	0.25
	Số tiền của chiếc tủ lạnh vào tháng 7 là: $9500000.90\% = 8550000$ (đồng)	0.25
	Giá chênh lệch của tháng 7 so với giá niêm yết là: $10000000 - 8550000 = 1450000$ (đồng)	0.5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

TRƯỜNG THCS TAM ĐÔNG 1

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

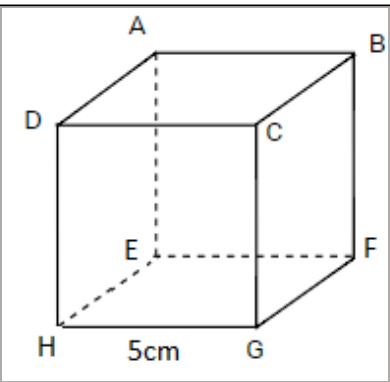
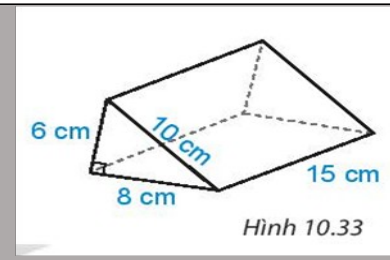
PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

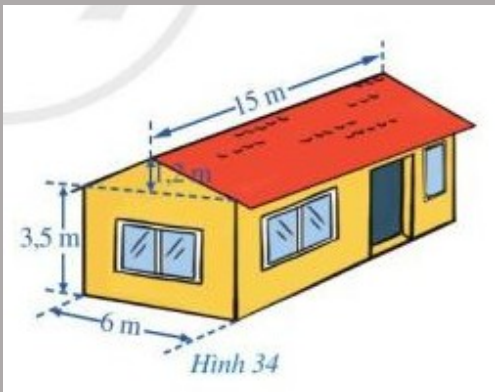
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	C	B	D	D	D	A	B	C	A	C	C

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (0,75 điểm): Các số $-7; 0,5; 0$ có là số hữu tỉ không? Vì sao?	
	Vì $-7 = \frac{-7}{1}; 0,5 = \frac{1}{2}; 0 = \frac{0}{1}$	0.5
	Nên $-7; 0,5; 0$ là các số hữu tỉ	0.25

2	Bài 2a (0,5 điểm): $\frac{7}{6} - \frac{1}{6} : \frac{2}{3}$;	
	$= \frac{7}{6} - \frac{1}{6} \cdot \frac{3}{2}$	0.25
	$= \frac{7}{6} - \frac{1}{4} = \frac{14}{12} - \frac{3}{12}$	0.25
	$= \frac{11}{12}$.	
	Bài 2b (0,5 điểm). $\frac{3}{7} \times \frac{1}{9} + \frac{8}{9} \times \frac{3}{7}$;	
	$= \frac{3}{7} \times \frac{1}{9} + \frac{8}{9} \times \frac{3}{7}$	0.25
	$= \frac{3}{7} \times (1)$	0.25
	$= \frac{3}{7}$.	
	Bài 2c (0,5 điểm). $2022 - \left(\frac{1}{3}\right)^2 \cdot 3^2$.	
	$= 2022 - \frac{1}{3^2} \cdot 3^2$	0.25
	$= 2022 - 1$	0.25
	$= 2021$.	
3	Bài 3a (0,75 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết: $x + \frac{1}{5} = 1\frac{3}{7}$;	
	$x + \frac{1}{5} = \frac{10}{7}$	0.25
	$x = \frac{10}{7} - \frac{1}{5}$	
	$x = \frac{50}{35} - \frac{7}{35}$	0.25

	$x = \frac{23}{35}$	0.25
	Bài 3b (0,75 điểm). $2x - \frac{2}{3} = \frac{5}{3}$	
	$2x = \frac{5}{3} + \frac{2}{3}$	0.25
	$2x = \frac{7}{3}$	0.25
	$x = \frac{7}{3} : 2 = \frac{7}{3} \cdot \frac{1}{2}$	0.25
	$x = \frac{7}{6}$	
4	Bài 4 (1,0 điểm). Cho hình hộp lập phương $ABCDEFGH$ như hình vẽ, có $HG = 5 \text{ cm}$. Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình lập phương này.	
	$S_{xq} = 2 \cdot (5 + 6) \cdot 8 = 176 (\text{cm}^2)$	0.5
	$V = 5 \cdot 5 \cdot 5 = 125 (\text{cm}^3)$	0.5
5	Bài 5 (0,75 điểm). Tính thể tích hình lăng trụ đứng trong hình 10.33	
	$S_d = \frac{6 \cdot 8}{2} = 24 (\text{cm}^2)$	0.25
	$S_{xq} = (6 + 10 + 8) \cdot 15 = 360 (\text{m}^2)$	0.25
	$V = 6 \cdot 15 = 90 (\text{cm}^3)$	0.25

6	Bài 6 (0,5 điểm). Một ngôi nhà có cấu trúc và kích thước như Hình 34. Tính thể tích phần không gian được giới hạn bởi ngôi nhà. 				
	<table><tr><td>Thể tích phần không gian có dạng hình lăng trụ tam giác là: $V_1 = (6.12:2) . 15 = 54 \left(m^3\right)$ Thể tích phần không gian có dạng hình hộp chữ nhật là: $V_2 = 15.6.3,5 = 315 \left(m^3\right)$</td><td>0.25</td></tr><tr><td>Thể tích phần không gian được giới hạn bởi ngôi nhà đó là: $V = V_1 + V_2 = 54 + 315 = 369 \left(m^3\right)$</td><td>0.25</td></tr></table>	Thể tích phần không gian có dạng hình lăng trụ tam giác là: $V_1 = (6.12:2) . 15 = 54 \left(m^3\right)$ Thể tích phần không gian có dạng hình hộp chữ nhật là: $V_2 = 15.6.3,5 = 315 \left(m^3\right)$	0.25	Thể tích phần không gian được giới hạn bởi ngôi nhà đó là: $V = V_1 + V_2 = 54 + 315 = 369 \left(m^3\right)$	0.25
Thể tích phần không gian có dạng hình lăng trụ tam giác là: $V_1 = (6.12:2) . 15 = 54 \left(m^3\right)$ Thể tích phần không gian có dạng hình hộp chữ nhật là: $V_2 = 15.6.3,5 = 315 \left(m^3\right)$	0.25				
Thể tích phần không gian được giới hạn bởi ngôi nhà đó là: $V = V_1 + V_2 = 54 + 315 = 369 \left(m^3\right)$	0.25				
7	Bài 2: Bài 7 (1,0 điểm). Bạn An có một chiếc điện thoại thông minh đã được sạc đầy pin. Nếu An không sử dụng điện thoại chút nào thì điện thoại sẽ hết pin sau 96 giờ; nếu An sử dụng điện thoại liên tục thì máy sẽ hết pin sau 8 giờ. Biết An đã không sử dụng điện thoại sau 36 giờ, sau đó lại dùng điện thoại 90 phút. Hỏi An còn dùng điện thoại được bao nhiêu phút nữa thì máy hết pin ?				
	<table><tr><td>Nếu An không sử dụng thì sau 96 giờ hết pin cho nên sau mỗi giờ không sử dụng thời lượng pin bị giảm $\frac{1}{96}$. Nếu An sử dụng liên tục thì sau 8 giờ hết pin cho nên sau mỗi giờ sử dụng thời lượng pin bị giảm $\frac{1}{8}$.</td><td>0.25</td></tr></table>	Nếu An không sử dụng thì sau 96 giờ hết pin cho nên sau mỗi giờ không sử dụng thời lượng pin bị giảm $\frac{1}{96}$. Nếu An sử dụng liên tục thì sau 8 giờ hết pin cho nên sau mỗi giờ sử dụng thời lượng pin bị giảm $\frac{1}{8}$.	0.25		
Nếu An không sử dụng thì sau 96 giờ hết pin cho nên sau mỗi giờ không sử dụng thời lượng pin bị giảm $\frac{1}{96}$. Nếu An sử dụng liên tục thì sau 8 giờ hết pin cho nên sau mỗi giờ sử dụng thời lượng pin bị giảm $\frac{1}{8}$.	0.25				

Sau khi không sử dụng trong 36 giờ thời lượng pin giảm $\frac{36}{96} = \frac{3}{8}$ Thời lượng pin còn lại $1 - \frac{3}{8} = \frac{5}{8}$	0.25
Sau khi An sử dụng liên tục trong 90 phút = $\frac{3}{2}$ giờ Thời lượng pin bị giảm là $\frac{1}{8} \cdot \frac{3}{2} = \frac{3}{16}$ Thời lượng pin còn lại là $\frac{5}{8} - \frac{3}{16} = \frac{7}{16}$	0.25
Bạn An còn có thể sử dụng trước khi điện thoại hết pin là $\frac{7}{16} : \frac{1}{8} = \frac{7}{2}$ giờ = 210 phút	0.25

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

TRƯỜNG THCS XUÂN THỚI THƯỢNG

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

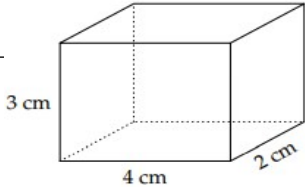
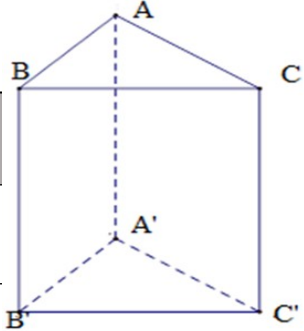
PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	C	D	D	A	B	B	D	A	A	B	C

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (0,75 điểm): Các số $-2, 5; -3; 0$ có là số hữu tỉ không? Vì sao?	
	Vì $-2, 5 = -\frac{5}{2}; -3 = -\frac{3}{1}; 0 = \frac{0}{1}$	0.5
	Nên $-2, 5; -3; 0$ là các số hữu tỉ	0.25

2	$\frac{7}{6} - \frac{1}{6} \cdot \frac{2}{3}$ Bài 2a (0,5 điểm):	
	$= \frac{7}{6} - \frac{1}{6} \cdot \frac{3}{2} = \frac{7}{6} - \frac{1}{4}$	0.25
	$= \frac{14}{12} - \frac{3}{12}$	0.25
	$= \frac{11}{12}$	
	$\frac{-5}{13} \times \frac{7}{12} + \frac{-5}{13} \times \frac{5}{12}$ Bài 2b (0,5 điểm).	
	$= \frac{-5}{13} \times \frac{7}{12} + \frac{5}{12}$	0.25
	$= \frac{-5}{13} \times \frac{12}{12}$	0.25
	$= \frac{-5}{13}$	
	$\frac{27^3 + 9^5 + 3^8}{-13}$ Bài 2c (0,5 điểm).	
	$= \frac{3^9 + 3^{10} + 3^8}{-13}$	0.25
	$= \frac{3^8(3 + 3^2 + 1)}{-13}$	0.25
	$= \frac{3^8 \cdot 13}{-13} = -3^6$	
3	$x - \frac{3}{10} = \frac{7}{25}$ Bài 3a (0,75 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết:	
	$\Rightarrow x = \frac{7}{25} + \frac{3}{10}$	0.25
	$\Rightarrow x = \frac{14}{50} + \frac{15}{50}$	0.25

	$\Rightarrow x = \frac{29}{50}$	0.25
	Bài 3b (0,75 điểm) : $\frac{2}{3} \cdot x + \frac{1}{5} = \frac{7}{10}$	
	$\Leftrightarrow \frac{2}{3} \cdot x = \frac{7}{10} - \frac{1}{5} \Leftrightarrow \frac{2}{3} \cdot x = \frac{7}{10} - \frac{2}{10} \Leftrightarrow \frac{2}{3} \cdot x = \frac{1}{2}$ $\Leftrightarrow x = \frac{1}{2} : \frac{2}{3} \Leftrightarrow x = \frac{3}{4}$	0.25
	$\Rightarrow \frac{2}{3} \cdot x = \frac{7}{10} - \frac{1}{5}$	0.25
	$\Rightarrow \frac{2}{3} \cdot x = \frac{7}{10} - \frac{2}{10} \Rightarrow \frac{2}{3} \cdot x = \frac{1}{2}$	
	$\Rightarrow x = \frac{1}{2} : \frac{2}{3} \Rightarrow x = \frac{3}{4}$	
4	Bài 4 (1,0 điểm). Cho hình hộp chữ nhật như hình vẽ. Tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật này.	
	$S_{xq} = 2 \cdot (4 + 2) \cdot 3 = 36(\text{cm}^2)$	
	$V = 4 \cdot 2 \cdot 3 = 24(\text{cm}^3)$	
5	Bài 5 (0,75 điểm). Cho hình lăng trụ đứng ABC. A'B'C' có tam giác ABC vuông tại A. Biết AB = 6 cm, AC = 8 cm, AA' = 15 cm (Hình vẽ bên). Tính thể tích của lăng trụ.	

	$S_d = \frac{6.8}{2} = 24(\text{cm}^2)$	0.25
	$V = 24.15 = 360(\text{cm}^3)$	0.5
6	Bài 6 (0,5 điểm) : Gàu xúc của một chiếc xe xúc (Hình a) có dạng gần như một hình lăng trụ đứng tam giác với kích thước đã cho trong Hình b. Để xúc hết 40 m ³ cát, xe phải xúc ít nhất bao nhiêu gàu ?	
	Thể tích gàu xúc hình lăng trụ: $V = S_{\text{đáy}} \cdot h = \frac{1}{2} \cdot 1,2 \cdot 1 \cdot 3,2 = 1,92 \text{ m}^3 .$	0.25
	Ta có $\frac{40}{1,92} = 20\frac{5}{6} .$ Vậy xe phải xúc ít nhất 21 gàu để hết 40 m ³ cát.	0.25
7	Bài 7 (1,0 điểm). Cô An mua 100 cái áo với giá mua một cái áo là 250 000 đồng. Cô bán 60 cái áo mỗi cái so với giá mua cô lời được 20% và 40 cái áo còn lại cô bán lỗ vốn hết 5%. Hỏi sau khi bán hết số áo cô còn lời được bao nhiêu tiền ?	
	Tiền bán 60 áo đầu tiên lời 20% $250\,000.60.(1 + 20\%) = 18\,000\,000(\text{đ})$	0.25
	Tiền bán 40 áo tiếp theo lỗ vốn 5% $250\,000.40.(1 - 5\%) = 9\,500\,000(\text{đ})$	0.25
	Ta có : $(18\,000\,000 + 9\,500\,000) - 250\,000.100 = 2\,500\,000$ Cô Hà còn lời được: 2 500 000 đồng.	0.5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

_____HẾT_____

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

<https://www.facebook.com/groups/vnteach/>

<https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/>

TRƯỜNG THCS ĐỖ VĂN DẬY

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

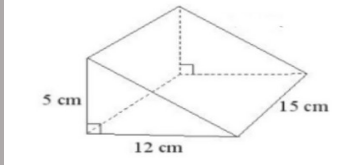
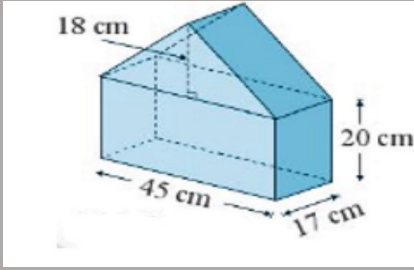
PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	D	C	B	B	4	A	B	A	C	A	B

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (0,75 điểm): Các số $-2; -2\frac{1}{3}; \frac{0}{5}$ có là số hữu tỉ không? Vì sao?	
	Vì $-2 = \frac{-2}{1}; -2\frac{1}{3} = \frac{-7}{3}; \frac{0}{5} = 0$	0.5
	Nên $-2; -2\frac{1}{3}; 0$ là các số hữu tỉ	0.25
2	Bài 2a (0,5 điểm): $\frac{1}{2} + \frac{3}{4} : (\frac{-6}{7})$;	
	$= \frac{1}{2} + \frac{3}{4} \cdot (\frac{-7}{6})$ $\text{đ} \frac{1}{2} + \frac{-7}{8}$	0.25
	$\text{đ} \frac{4}{8} + \frac{-7}{8}$ $\text{đ} \frac{-3}{8}$	0.25
	Bài 2b (0,5 điểm): $\frac{9}{20} \cdot \frac{5}{18} - \frac{10}{25} : \frac{4}{5} + \frac{3}{4}$;	

	$\frac{1}{8}-\frac{1}{2}+\frac{3}{4}$	0.25
	$=\frac{1}{8}-\frac{4}{8}+\frac{6}{8}$	0.25
	$=\frac{3}{8}$	
	Bài 2c (0,5 điểm). $\frac{25^6+5^4}{25+25^5}$.	
	$=\frac{(5\cdot 2)^6+5^4}{5^2+(5\cdot 2)^5}=\frac{5^{12}+5^4}{5^2+5^{10}}$	0.25
	$=\frac{5^4\cdot (5^8+1)}{5^2\cdot (1+5^8)}$	0.25
$=\frac{5^4}{5^2}=5^2=25$		
3	Bài 3a (0,75 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết: $0,75+x=\frac{-3}{14}$;	
	$\frac{3}{4}+x=\frac{-3}{14}$	0.25
	$x=\frac{-3}{14}-\frac{3}{4}$	0.25
	$x=\frac{-27}{28}$.	0.25
	Bài 3b (0,75 điểm). $\frac{-3}{4}-2x=0,25$.	
	$2x=\frac{-3}{4}-0,25$	0.25
	$2x=-1$	0.25
	$x=\frac{-1}{2}$.	0.25

4	Bài 4 (1,0 điểm). Một viên gạch đất sét nung đặc có dạng hình hộp chữ nhật với các đáy lần lượt là 220mm, 105 mm và chiều cao 65 mm. Tính diện tích xung quanh và thể tích của viên gạch	
	$S_{xq} = 2 \cdot (220 + 105) \cdot 65 = 42250 \text{ (cm}^2\text{)}.$	0.5
	$V = 220 \cdot 105 \cdot 65 = 1501500 \text{ (cm}^3\text{)}$	0.5
5	Bài 5 (0,75 điểm). Tính thể tích hình lăng trụ đứng tứ giác có đáy là tam giác vuông với kích thước như	
	$S_d = \frac{5 \cdot 12}{2} = 30 \text{ (cm}^2\text{)}$	0.25
	$V = 30 \cdot 15 = 450 \text{ (cm}^3\text{)}$	0.5
6	Bài 6 (0,5 điểm). Mô hình ngôi nhà có kích thước như hình vẽ .Tính thể tích mô hình ngôi nhà 	
	Có thể xem mô hình ngôi nhà là hình lăng trụ có đáy là hình gồm một tứ giác và tam giác ghép lại Diện tích mặt đáy là $45 \cdot 20 + \frac{1}{2} \cdot 18 \cdot 45 = 1305 \text{ (cm}^2\text{)}$	0.25
	Thể tích mô hình ngôi nhà là $1305 \cdot 17 = 22185 \text{ cm}^3$	0.25
7	Bài 7 (1,0 điểm). Một cửa hàng nhập về 200 cái bánh trung thu với giá 5 000 000 đồng . Cửa hàng đã bán 50 cái bánh với giá mỗi cái là 50 000 đồng ,số bánh còn lại cửa hàng khuyến mãi giảm giá 20% . Hỏi sau khi bán hết 200 các bánh cửa hàng đó lãi hay lỗ bao nhiêu tiền?	

Số tiền cửa hàng thu được khi bán 50 cái bánh là: $50.50\,000=2\,500\,000$ (đồng).	0.25
Số tiền cái bánh khi giảm 20% $50\,000 \cdot (100\%-20\%)=40\,000$ (đồng) Số tiền bán 150 cái bánh còn lại là: $150.40\,000=6\,000\,000$ (đồng)	0.25
Tổng số tiền bán bánh là $2\,500\,000+6\,000\,000=8\,500\,000$ (đồng) Số tiền cửa hàng lãi là $8\,500\,000-6\,000\,000=2\,500\,000$ (đồng)	0.5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần

TRƯỜNG THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG ĐỀ 2

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

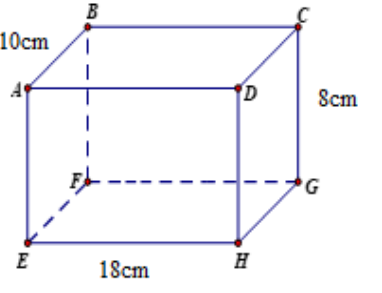
PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	B	C	D	A	B	C	D	A	B	C	D

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (1,5 điểm): Các số $-12;-3,5;0$ có là số hữu tỉ không? Vì sao?	
	Vì $-12=\frac{-12}{1};-3,5=\frac{-35}{10};0=\frac{0}{1}$	0.5
	Nên $-12;-3,5;0$ là các số hữu tỉ	0.25
1	Bài 1a (0,5 điểm): $0,125-\frac{13}{12}+1\frac{3}{2}$	
	$\frac{1}{8}+\frac{-13}{12}+\frac{5}{2}$	0.25
	$\frac{3}{24}+\frac{-26}{24}+\frac{60}{24}$	0.25
	$\frac{37}{24}$	
	a) Bài 1b (0,5 điểm): $\frac{8}{15} \cdot \frac{7}{13}+\frac{8}{15} \cdot \frac{6}{13}$	

	$\frac{8}{15} \cdot \left(\frac{7}{13} + \frac{6}{13} \right)$	0.25
	$\frac{8}{15} \cdot 1$	0.25
	$\frac{8}{15}$	
	a) Bài 1c (0,5 điểm): $\frac{15}{7} - \left(\frac{1}{2} - \frac{5}{2} \right)^2$	
	$=$	0.25
	$\frac{15}{7} - (-2)^2$	
	$\frac{15}{7} - 4$	0.25
	$\frac{-13}{7}$	
2	Bài 2a (1,5 điểm). Tìm số hữu tỉ x, biết: $x - \frac{7}{3} = \frac{2}{15}$	
	$x = \frac{2}{15} + \frac{7}{3}$	0.25
	$x = \frac{2}{15} + \frac{35}{15}$	
	$x = \frac{37}{15}$	0.25
	a) Bài 2b (0,75 điểm). $\frac{2}{3}x - \frac{3}{4} = \left(\frac{-1}{2} \right)^2$	
	$\frac{2}{3}x = \frac{1}{4} + \frac{3}{4}$	0.25
	$\frac{2}{3}x = 1$	0.25
	$x = 1 : \frac{2}{3}$	0.25
	$x = \frac{3}{2}$	

3	Bài 3 (1,5 điểm). Cho hình hộp chữ nhật $ABCD.EFGH$ như hình vẽ có $AB = 10\text{cm}$; $EF = 18\text{cm}$; $CG = 8\text{cm}$. a) Kể tên các đường chéo của hình hộp chữ nhật này b) Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật này.	
	a) Tên các đường chéo của hình hộp chữ nhật là: BH, DF, AG, CE	0.5
	b) Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là: $S_{xq} = 2.(18 + 10) . 8 = 448 \text{ (m}^2\text{)}$ Thể tích của hình hộp chữ nhật là : $V = 18.10.8 = 1440 \text{ (m}^3\text{)}$	0.25 0.25
4	a) Diện tích xung quanh của bể bơi là $S_{xq} = 2.(7 + 5) . 1 = 24 \text{ (m}^2\text{)}$	0.5
	b) Số tiền cô giáo dung để mua tôn là: $85000 . 24 = 2040000 \text{ (đồng)}$	0.5
	c) Thể tích nước cần dung để đầy hồ là: $7.5.1 = 35 \text{ (m}^3\text{)}$	0.5
5	Số tiền được giảm là: $12\% . 17900000 = 2148000 \text{ (đồng)}.$	0.5
	Giá mới của tivi đó sau khi giảm là: $17900000 - 2148000 = 15752000 \text{ (đồng)}.$	0.5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

HẾT

TRƯỜNG THCS LÝ CHÍNH THẮNG 1

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

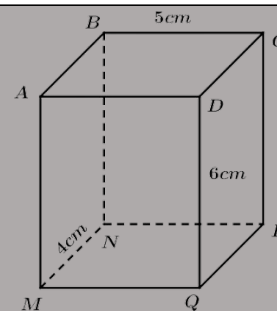
I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

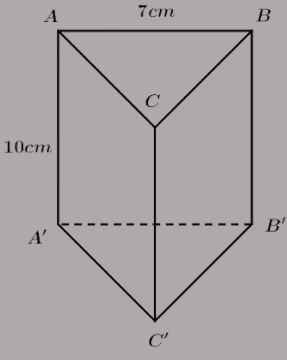
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	A	B	D	C	A	B	A	A	D	B	D

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài	Đáp án	Điểm
1	$1\frac{2}{5}; -0,25; 0; 3$ (0,75 điểm) Các số có phải số hữu tỉ không? Vì sao?	
	Vì $1\frac{2}{5} = \frac{7}{5}; -0,25 = -\frac{1}{4}; 0 = \frac{0}{1}; 3 = \frac{3}{1}$	0.5
	Nên $1\frac{2}{5}; -0,25; 0; 3$ là các số hữu tỉ	0.25
2	Bài 2a (0,5 điểm) $-\frac{3}{5} + \frac{3}{7} : \frac{5}{14}$	
	$= -\frac{3}{5} + \frac{3}{7} \cdot \frac{14}{5}$	0.25
	$= -\frac{3}{5} + \frac{6}{5}$	0.25
	$= \frac{3}{5}$	
	Bài 2b (0,5 điểm). $-\frac{4}{5} \cdot \frac{7}{8} + \frac{-1}{5} \cdot \frac{7}{8};$	
	$= \frac{7}{8} \cdot \frac{-4}{5} + \frac{-1}{5} \cdot \frac{7}{8}$	0.25
	$= \frac{7}{8} \cdot (-1)$	0.25
	$= -\frac{7}{8}$	
	Bài 2c (0,5 điểm). $\frac{2^2 \cdot 3^2 \cdot 16}{2^5 \cdot 27}$	
	$= \frac{2^2 \cdot 3^2 \cdot 2^4}{2^5 \cdot 3^3}$	0.25

	$= \frac{2^6.3^2}{2^5.3^3}$	0.25
	$= \frac{2}{3}.$	
3	(0,75 điểm). $x + \frac{2}{5} = 0,4$;	
	$x + \frac{2}{5} = \frac{2}{5}$	0.25
	$x = \frac{2}{5} - \frac{2}{5}$	0.25
	$x = 0$	0.25
	$\frac{3}{5}x + \frac{1}{4} = 1\frac{3}{4}.$	
	$\frac{3}{5}x + \frac{1}{4} = \frac{7}{4}$	0.25
	$\frac{3}{5}x = \frac{7}{4} - \frac{1}{4}$ $\frac{3}{5}x = \frac{3}{2}$	0.25
	$x = \frac{3}{2} : \frac{3}{5}$ $x = \frac{3}{2} . \frac{5}{3}$ $x = \frac{5}{2}$	0.25
	4	(1,0 điểm) Cho hình hộp chữ nhật $ABCD.MNPQ$ như hình vẽ, biết $BC = 5\text{cm}$; $MN = 4\text{cm}$ và $DQ = 6\text{cm}$. a) Tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật. b) Tính thể tích của hình hộp chữ nhật.



	a) $S_{xq} = 2.(4 + 5).6 = 108(\text{cm}^2)$.	0.25 + 0.25
	b) $V = 4.5.6 = 120(\text{cm}^3)$	0.25 + 0.25
5	(0,75 điểm) Cho hình lăng trụ đứng tam giác đều $ABC.A'B'C'$ có $AB = 7\text{cm}$ và $AA' = 10\text{cm}$. Tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng này.	
	$S_{xq} = (7 + 7 + 7).10 = 210(\text{cm}^2)$	0.25 + 0.5
6	(0,5 điểm). (0,5 điểm) Cá Betta (cá Xiêm) là một loài cá cảnh được nuôi phổ biến ở trong nhà bởi vì hình dạng và màu sắc rất đẹp mắt của chúng. Tuy nhiên vì bản tính hiếu chiến nên mỗi con cá cần được nuôi ở hồ riêng và phải có tối thiểu 2 lít (2000cm^3) nước trong hồ để cá phát triển tốt. Một hồ kính có dạng hình lập phương có cạnh là 15cm, biết rằng hồ nuôi cá chỉ được chứa lượng nước bằng $\frac{2}{3}$ thể tích của hồ để tránh cá nhảy ra khỏi hồ. Hỏi hồ kính này có phù hợp để nuôi cá Betta hay không?	
	Thể tích của hồ kính đó là: $V = 15.15.15 = 3375(\text{cm}^3)$	0.25
	Lượng nước chứa trong hồ là: $3375.\frac{2}{3} = 2250(\text{cm}^3)$ Vậy hồ kính này thích hợp để nuôi cá Betta.	0.25
7	(1,0 điểm) Một cửa hàng thời trang đang có chương trình khuyến mãi giảm 20% tất cả các sản phẩm. Đặc biệt nếu khách hàng thân thiết của cửa hàng sẽ được giảm thêm 10% trên giá đã giảm. Bình và Mai cùng đến cửa hàng để mua sắm, trong hai bạn chỉ có Mai là khách hàng thân thiết của cửa hàng. Bình mua một cái áo có giá niêm yết 650 000 đồng còn Mai mua một cái váy có giá niêm yết 800 000 đồng. Hỏi cả hai bạn phải trả bao nhiêu tiền?	

Số tiền mà Bình phải trả để mua cái áo là: $650\,000 \cdot (100\% - 20\%) = 520\,000$ (đồng)	0.25
Số tiền mà Mai phải trả để mua cái váy là: $800\,000 \cdot (100\% - 20\%) \cdot (100\% - 10\%) = 576\,000$ (đồng).	0.25
Số tiền mà cả hai bạn phải trả là: $520\,000 + 576\,000 = 1\,096\,000$ (đồng)	0.5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

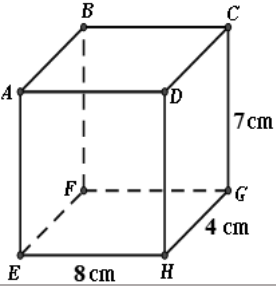
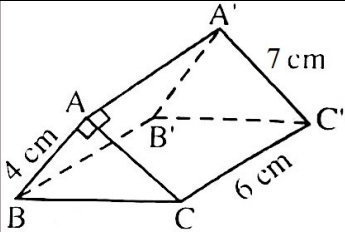
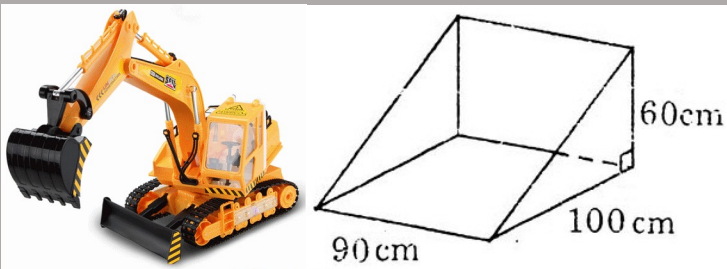
PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
B	D	C	B	B	C	B	C	B	C	A	C

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (0,75 điểm): Các số 5,9; $-2\frac{1}{5}$; -4 có là số hữu tỉ không? Vì sao?	
	Vì $5,9 = \frac{59}{10}$; $-2\frac{1}{5} = -\frac{11}{5}$; $-4 = -\frac{4}{1}$.	0.5
	Nên 5,9; $-2\frac{1}{5}$; -4 là các số hữu tỉ.	0.25
2	Bài 2a (0,5 điểm): $\frac{12}{-7} \cdot \frac{21}{4} - \frac{-5}{2}$;	
	$= -9 - \frac{-5}{2}$	0.25

	$= \frac{-18}{2} + \frac{5}{2}$	0.25
	$= \frac{-13}{5}.$	
	Bài 2b (0,5 điểm). $\frac{14}{9} \cdot \frac{-4}{7} + \frac{-3}{7} \cdot \frac{14}{9};$	
	$= \frac{14}{9} \cdot \left(\frac{-4}{7} + \frac{-3}{7} \right)$	0.25
	$= \frac{14}{9} \cdot (-1)$	0.25
	$= \frac{-14}{9}.$	
	Bài 2c (0,5 điểm). $\frac{9^4 - 27^2 + 81}{-73}.$	
	$= \frac{3^8 - 3^6 + 3^4}{-73}$	0.25
	$= \frac{3^4 \cdot (3^4 - 3^2 + 1)}{-73}$	0.25
	$= \frac{3^4 \cdot 73}{-73} = -3^4 = -81.$	
3	Bài 3a (0,75 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết: $\frac{3}{5} - x = 0,25$;	
	$\frac{3}{5} - x = \frac{1}{4}$	0.25
	$x = \frac{3}{5} - \frac{1}{4}$	
	$x = \frac{12}{20} - \frac{5}{20}$	0.25
	$x = \frac{7}{20}.$	0.25
	Bài 3b (0,75 điểm). $\frac{-2}{3} \cdot \left(x + \frac{1}{5} \right) = 1\frac{1}{3}.$	
	$x + \frac{1}{5} = \frac{4}{3} : \frac{-2}{3}$	0.25

	$x + \frac{1}{5} = -2$	0.25
	$x = -2 - \frac{1}{5}$	0.25
	$x = \frac{-11}{5}$	
4	Bài 4 (1,0 điểm). Cho hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH như hình vẽ, có EH = 8cm, HG = 4cm, CG = 7cm. Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật này.	
	$S_{xq} = 2 \cdot (8 + 4) \cdot 7 = 168 (cm^2)$	0.5
	$V = 8 \cdot 4 \cdot 7 = 224 (cm^3)$	0.5
5	Bài 5 (0,75 điểm). Cho hình lăng trụ đứng tam giác vuông ABC.A'B'C' như hình vẽ. Biết AB = 4cm, A'C' = 7cm, CC' = 6cm. Tính thể tích của hình lăng trụ đứng này.	
	$S_d = \frac{4 \cdot 7}{2} = 14 (cm^2)$	0.25
	$V = 14 \cdot 6 = 84 (cm^3)$	0.5
6	Bài 6 (0,5 điểm). Gàu xúc của một xe xúc có dạng gần như một lăng trụ đứng tam giác với kích thước đã cho trong hình bên. Để xúc hết 135m³ cát, xe phải xúc bao nhiêu gàu? 	
	Thể tích cát một gàu có thể chứa là: $V = \frac{60 \cdot 100}{2} \cdot 90 = 27000 (cm^3) = 27 m^3$	0.25
	Số gàu xe cần phải xúc là:	0.25

	$135:27=5$ (gà).	
7	Bài 7 (1,0 điểm). Một cửa hàng nhập về 70 chiếc điện thoại với giá gốc 6 000 000 đồng/chiếc. Cửa hàng đã bán 40 chiếc điện thoại với giá mỗi cái lãi 20% so với giá gốc; 30 chiếc còn lại cửa hàng giảm 5% so với giá gốc. Hỏi sau khi bán hết 70 chiếc điện thoại cửa hàng đó lãi hay lỗ bao nhiêu tiền?	
	Số tiền cửa hàng lãi khi bán 40 chiếc điện thoại là: $40.6\,000\,000.20\% = 48\,000\,000$ (đồng).	0.25
	Số tiền cửa hàng lỗ khi bán 30 chiếc điện thoại còn lại là: $30.6\,000\,000.5\% = 9\,000\,000$ (đồng).	0.25
	Ta có: $48000000 - 9000000 = 39000000$ (đồng). Do đó cửa hàng đã lãi 39 000 000 đồng.	0.5

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

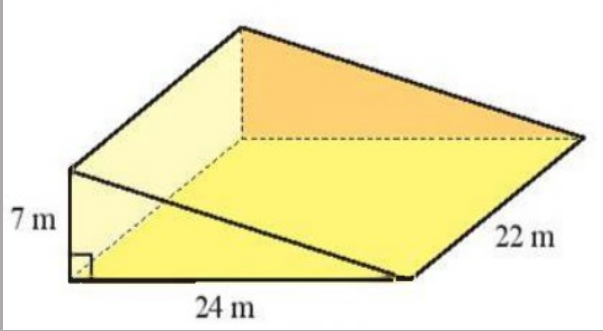
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	D	B	D	C	D	A	C	A	B	C	B

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (0,75 điểm): Các số 2,5; -3; 0 có là số hữu tỉ không? Vì sao?	
	Vì $2,5 = \frac{5}{2}; -3 = -\frac{3}{1}; 0 = \frac{0}{1}$	0.5
	Nên 2,5; -3; 0 là các số hữu tỉ	0.25
2	Bài 2a (0,5 điểm): $\frac{-7}{6} - \frac{1}{6} \cdot \frac{12}{5}$	

	$= \frac{-7}{6} - \frac{2}{5}$	0.25
	$= \frac{-35 - 12}{30}$	0.25
	$= \frac{-47}{30}$	
3	Bài 2b (0,5 điểm). $\frac{-5}{3} \times \frac{13}{15} + \frac{-5}{3} \times \frac{2}{15}$	
	$= \frac{-5}{3} \times \frac{13}{15} + \frac{-5}{3} \times \frac{2}{15}$	0.25
	$= \frac{-5}{3} \times \frac{15}{15}$	0.25
	$= \frac{-5}{3}$	
	Bài 2c (0,5 điểm). $\frac{25^3 + 5^5 + 5^4 \cdot 5^3}{-31}$	
	$\frac{5^6 + 5^5 + 5^7}{-31}$	0.25
	$= \frac{5^5(5 + 1 + 5^2)}{-31}$	0.25
	$= \frac{5^5 \cdot 31}{-31} = -5^5$	
	Bài 3a (0,75 điểm). Tìm số hữu tỉ X, biết: $x - \frac{3}{7} = \frac{-5}{14}$	
	$\Rightarrow x = \frac{-5}{14} + \frac{3}{7}$	0.25
	$\Rightarrow x = \frac{-5}{14} + \frac{3 \cdot 2}{7 \cdot 2}$	0.25
	$\Rightarrow x = \frac{1}{14}$	0.25
	Bài 3b (0,75 điểm) : $\frac{2}{3} \cdot x + \frac{1}{5} = \frac{7}{10}$	

	$\Leftrightarrow \frac{2}{3} \cdot x = \frac{7}{10} - \frac{1}{5}$	0.25
	$\frac{2}{3}x = \frac{1}{2}$	0.25
	$x = \frac{1}{2} : \frac{2}{3}$	
	$\Rightarrow x = \frac{3}{4}$	
4	Bài 4 (1,0 điểm). Cho hình hộp chữ nhật như hình vẽ. Tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật này.	
	$S_{xq} = 2(4 + 3) \cdot 5 = 70(\text{cm}^2)$	
	$V = 4 \cdot 3 \cdot 5 = 60(\text{cm}^3)$	
5	Bài 5 (0,75 điểm). Cho hình lăng trụ đứng ABC. A'B'C' có tam giác ABC vuông tại A (Hình vẽ bên). Tính thể tích của lăng trụ.	

	$S_d = \frac{2.3}{2} = 3(\text{cm}^2)$	0.25
	$V = 3.5 = 15(\text{cm}^3)$	0.5
6	Bài 6 (0,5 điểm) : 6 (0,5 điểm). Để thi công một con dốc, người ta đúc một khối bê tông hình lăng trụ đứng tam giác có kích thước lần lượt 7m, 24m, 22m như hình vẽ.  Hỏi nếu mỗi mét khối bê tông có giá 500.000 đồng thì người ta cần trả bao nhiêu tiền để xây dựng hết con dốc đó?	
	Diện tích đáy của hình lăng trụ đứng tam giác là: $S_{\text{đáy}} = 84 (\text{m}^2)$. Thể tích của khối bê tông là: $V = S_{\text{đáy}} \cdot h = 84 \cdot 22 = 1\,848 (\text{m}^3)$.	0.25
	Số tiền để xây dựng hết con dốc đó là: $1\,848 \cdot 500\,000 = 924\,000\,000 (\text{đồng})$.	0.25
7	Bài 7 (1,0 điểm). Nhân dịp lễ thống nhất đất nước 30/4 nên một cửa hàng điện máy xanh giảm 30% cho mỗi sản phẩm kể từ sản phẩm thứ 2 trở đi. Anh Tâm muốn mua 2 tivi cùng loại có giá là 9 triệu đồng/1 tivi (đã bao gồm VAT). Do là khách hàng thân thiết nên anh Khang được giảm thêm 5% trên tổng hóa đơn. Vậy anh Tâm phải trả bao nhiêu tiền khi mua 2 tivi đó ? R	
	Giá tiền tivi thứ hai là: $9 \cdot 70\% = 6,3$ triệu đồng	0.25
	Giá tiền cả 2 tivi là: $9 + 6,3 = 15,3$ triệu đồng	0.25

	Số tiền Anh Tâm cần trả là: $15,3.95\% = 1,4535$ triệu đồng $= 14\,535\,000$ đồng	0.5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

____HẾT____

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

<https://www.facebook.com/groups/vnteach/>

<https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/>